

3. Sửa đổi Phụ lục III như sau:

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM I CÓ NGUY CƠ TÁC ĐỘNG XẤU
ĐẾN MÔI TRƯỜNG Ở MỨC ĐỘ CAO QUY ĐỊNH TẠI
KHOẢN 3 ĐIỀU 28 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

| STT | Dự án đầu tư | Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thảm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên |
|-----------|--|---|
| (1) | (2) | (3) |
| I | Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường | |
| 1 | Dự án đầu tư có cấu phần xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (trừ dự án đầu tư kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino), không bao gồm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí theo quy định của pháp luật về đầu tư). | Tất cả |
| 2 | Dự án dịch vụ tái chế, xử lý chất thải nguy hại; dự án phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; dự án có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; dự án xây dựng lò phản ứng hạt nhân, điện hạt nhân. | Tất cả |
| 3 | Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại Cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này | Tất cả |
| II | Dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường | |
| 4 | Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình quy định tại Cột 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này | Có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này |

| STT | Dự án đầu tư | Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên |
|-------------|---|---|
| 5 | Dự án nhóm A có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường | Có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này |
| III. | Dự án đầu tư quy định tại điểm c và điểm đ khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường | |
| 6 | Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước (trừ các dự án phát triển rừng, lâm sinh theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, dự án nuôi trồng thủy sản không theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh theo quy định của pháp luật về thủy sản) | Thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có tổng diện tích của dự án từ 100 ha trở lên; b) Có tổng diện tích của dự án từ 50 ha đến dưới 100 ha và có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại số thứ tự 7, 8 Phụ lục này. |
| 7 | a) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vùng đất ngập nước quan trọng, khu dự trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên thế giới (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ có một hoặc các mục tiêu: phục vụ quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng cháy, chữa cháy rừng; lâm sinh); | Có tổng diện tích của dự án từ 50 ha đến dưới 100 ha và thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; b) Có sử dụng đất, đất có mặt nước của vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển hoặc của từ 0,5 ha trở lên đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên; c) Có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng; |

| STT | Dự án đầu tư | Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên |
|-----|--|--|
| | <p>b) Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, vùng đất ngập nước quan trọng, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên (trừ các dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt chỉ có một hoặc các mục tiêu: phục vụ quản lý, bảo vệ rừng; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng cháy, chữa cháy rừng; lâm sinh)</p> | <p>d) Có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với đất có rừng tự nhiên hoặc từ 0,2 ha trở lên đối với rừng phòng hộ trở lên.</p> <p>Có tổng diện tích của dự án từ 50 ha đến dưới 100 ha và thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển;</p> <p>b) Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,5 ha trở lên đối với đất của vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên hoặc có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất có mặt nước từ 0,5 ha trở lên đối với vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên mà mặt nước không liên thông với vùng lõi di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên đó;</p> <p>c) Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của: vùng đất ngập nước quan trọng; đất có mặt nước của vùng đệm của di sản thiên nhiên thế giới, vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển, vùng đệm của khu bảo tồn thiên</p> |

| STT | Dự án đầu tư | Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên |
|-----|---|---|
| | | <p>nhiên có mặt nước liên thông với vùng lõi di sản thiên nhiên thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên đó;</p> <p>d) Có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,1 ha trở lên đối với đất có rừng tự nhiên hoặc của từ 0,1 ha trở lên đối với rừng phòng hộ.</p> |
| | c) Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên | Có tổng diện tích của dự án từ 50 ha đến dưới 100 ha và có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 05 ha trở lên |
| 8 | Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau: Dự án chỉ có một hoặc các mục tiêu: Bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án nhằm phục vụ việc quản lý, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án bảo trì, duy tu bảo đảm an toàn giao thông) | Có tổng diện tích của dự án từ 50 ha đến dưới 100 ha |
| 9 | a) Dự án có sử dụng khu vực biển (trừ các dự án nuôi trồng thủy sản không theo phương pháp thâm canh, bán thâm canh theo quy định của pháp luật về thủy sản) | Thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường và từ 10 ha tổng diện tích sử dụng khu vực biển trở lên |
| | b) Dự án có hoạt động nhận chìm ở biển | Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm của Bộ Tài nguyên và Môi trường |

| STT | Dự án đầu tư | Quy mô, công suất/mức độ nhạy cảm môi trường/thẩm quyền cấp phép khai thác tài nguyên thiên nhiên |
|------------|--|---|
| IV. | Dự án quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường | |
| 10 | Dự án khai thác khoáng sản (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình có hoạt động thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thực hiện dự án, dự án nạo vét có hoạt động kết hợp thu hồi khoáng sản tại khu vực thực hiện dự án); dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước. | Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 11 | Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư | Từ 10.000 người ở miền núi hoặc từ 20.000 người ở các vùng khác trở lên |
| V. | Dự án đầu tư mở rộng | |
| 12 | Dự án đầu tư nhằm mở rộng quy mô, nâng cao công suất của dự án đầu tư đang triển khai, thực hiện trước khi vận hành hoặc của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động. | Việc mở rộng quy mô, nâng cao công suất (tính tổng cả phần dự án đang triển khai, thực hiện, phần cơ sở đang hoạt động và phần mở rộng, nâng cao công suất tương đương với dự án tại Phụ lục này) được xác định như sau: a) Có thay đổi như đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 hoặc các điểm b, c, d, đ, k, l, m khoản 6 Điều 27 Nghị định này; b) Tăng quy mô, công suất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ như đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 27 Nghị định này từ 30% trở lên dẫn đến làm gia tăng tác động xấu tới môi trường theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định này. |
| VI. | Dự án có một trong các hạng mục tương đương với các số thứ tự nêu trên | |